

**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO LAYLA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢNG CÁO LAYLA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAYLA COMMUNICATIONS AND ADVERTISING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110400593

**3. Ngày thành lập:** 28/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 20A, ngõ 58 ngách 63 phố Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0333706859

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                                                                                                 | 4610     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>(Trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế) | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                                                               | 4659 |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không bao gồm tổ chức hợp báo)<br>Nhóm này gồm: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230 |
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Cụ thể:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;<br>- Dạy bay;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính.<br>(không bao gồm dạy về tôn giáo; hoạt động của các trường Đảng, đoàn thể) | 8559 |
| 9.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9000 |
| 10. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9321 |
| 11. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>(loại trừ hoạt động của các sàn nhảy, hoạt động của các phòng hát karaoke)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9329 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9633 |
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6201 |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6202 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6209 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hạ tầng viễn thông và thiết lập mạng)                                                                                                                                                                                                            | 6311        |
| 17. | Cổng thông tin<br>Chi tiết:<br>- Thiết lập trang mạng xã hội;<br>- Thiết lập trang tin điện tử tổng hợp                                                                                                                                                                                                     | 6312        |
| 18. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí                                                                                                                             | 6399        |
| 19. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                           | 6619        |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                                                                                                                            | 7020        |
| 21. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310(Chính) |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)                                                                                                                                                                                     | 7320        |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Nhóm này gồm:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Dịch vụ thiết kế đồ thị;<br>- Hoạt động trang trí nội thất.         | 7410        |
| 24. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(từ hoạt động của phóng viên ảnh)<br>Nhóm này gồm:<br>- Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại:<br>+ Chụp ảnh chân dung cho hộ chiếu, thẻ, đám cưới...,<br>+ Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch,<br>+ Quay video: Đám cưới, hội họp...; | 7420        |
| 25. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 26. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2630        |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                   | 4774        |
| 28. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                    | 4782        |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                          | 4791        |

|     |                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Xuất bản phần mềm<br>(loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                           | 5820 |
| 31. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Sản xuất phim video                                                                         | 5911 |
| 32. | Hoạt động hậu kỳ<br>(trừ hoạt động sản xuất phim)                                                                                                                                 | 5912 |
| 33. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ: Phát hành chương trình truyền hình)                                                            | 5913 |
| 34. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Loại trừ xuất bản sách nhạc và bản nhạc)                                                                                                 | 5920 |
| 35. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Sàn giao dịch thương mại điện tử<br>- Website khuyến mại trực tuyến                                                                   | 6190 |
| 36. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                     | 7721 |
| 37. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                          | 7722 |
| 38. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                         | 7729 |
| 39. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                    | 7730 |
| 40. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                            | 4741 |
| 41. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4742 |
| 42. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4753 |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4759 |
| 44. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4771 |
| 45. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                               | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VŨ THỊ LAN ANH** Giới tính: *Nữ*  
Sinh ngày: *15/09/2000* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024300013437*  
Ngày cấp: *05/09/2022* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*  
Địa chỉ thường trú: *Thôn Vĩnh Thịnh, Xã Tân Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Thôn Vĩnh Thịnh, Xã Tân Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ THỊ LAN ANH** Giới tính: *Nữ*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *15/09/2000* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024300013437*  
Ngày cấp: *05/09/2022* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*  
Địa chỉ thường trú: *Thôn Vĩnh Thịnh, Xã Tân Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Thôn Vĩnh Thịnh, Xã Tân Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội